

Số: 379 /BC-STC

Hưng Yên, ngày 04 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO
Giá thị trường tháng 10 và công tác quản lý giá tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Cục quản lý Giá);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 và Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Trên cơ sở báo cáo của các Sở ngành; Sở Tài chính Hưng Yên tổng hợp báo cáo tình hình giá thị trường tháng 10 năm 2025 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 10/2025

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ:

Trên cơ sở tổng hợp thông tin từ các Sở cho thấy thị trường hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong tháng 10 năm 2025 tương đối ổn định, tăng giảm tùy nhóm hàng hóa, dịch vụ, được phản ánh thông qua chỉ số giá tiêu dùng tỉnh tháng 10 năm 2025.

2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI):

CPI chung toàn tỉnh tháng 10/2025 giảm 0,02% (khu vực thành thị tăng 0,19%; khu vực nông thôn giảm 0,07%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 08 nhóm có chỉ số tăng, 03 nhóm có chỉ số giảm.

- Nhóm hàng có chỉ số giá tăng: “Hàng ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 0,01%; “Đồ uống, thuốc lá” tăng 0,01%; “May mặc, mũ nón, giày dép” tăng 0,12%; “Nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng” tăng 0,22%; “Thiết bị và đồ dùng gia đình” tăng 0,05%; “Thuốc và dịch vụ y tế” giảm 0,20%; “Bưu chính viễn thông” tăng 0,02%; “Văn hóa, giải trí và du lịch” tăng 0,11%.

- Nhóm hàng có chỉ số giá giảm: “Giao thông” giảm 1,38%; “Hàng hóa và dịch vụ khác” giảm 0,02%; “Giáo dục” giảm 0,001%.

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: Chi tiết tại Bảng phụ lục kèm theo.

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG, DỊCH VỤ THIẾT YẾU THÁNG 10/2025

1. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,01%)

a) Lương thực (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm “lương thực” tháng 10 năm 2025 tăng 0,26% so với tháng 9 năm 2025, chủ yếu do:

- Giá gạo trong tháng tăng 0,32% so với tháng trước, trong đó: giá gạo tẻ thường tăng 0,31%, giá gạo tẻ ngon tăng 0,32%. Thị trường lương thực trong nước nhìn chung ổn định, song giá gạo tại tỉnh Hưng Yên vẫn chịu áp lực tăng do nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng nhẹ cùng với việc người dân có xu hướng lựa chọn loại gạo chất lượng cao hơn. Chi phí đầu vào sản xuất lúa – gạo (như phân bón, nhiên liệu, nhân công...) có xu hướng tăng, dẫn đến giá thu mua lúa nguyên liệu tại các địa phương trồng lúa lớn giảm mạnh, nên các doanh nghiệp xay xát điều chỉnh giá bán gạo thành phẩm tăng để bù đắp.

- Giá bột mì và ngũ cốc khác tăng 0,84% chủ yếu do ngô, khoai, sắn tăng do nhu cầu sử dụng các mặt hàng này tăng.

- Giá các loại lương thực chế biến sẵn như: bún, phở, bánh đa, mỳ sợi, bột ngô... tăng 0,01% do giá gạo nguyên liệu tăng, kéo theo chi phí sản xuất các sản phẩm chế biến từ gạo tăng nhẹ.

b) Thực phẩm (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm “thực phẩm” tăng 0,21% so với tháng trước, chủ yếu ở các mặt hàng sau:

- Chỉ số rau tươi và khô chế biến tăng 2,72% giá các loại như cà chua, bí xanh, đỗ cô ve, bắp cải.... tăng cao, nguyên nhân chủ yếu do thời tiết không thuận lợi, mưa kéo dài khiến ngập úng và khó phát triển, dẫn đến tình trạng cung không đủ cầu, đẩy giá bán tăng.

- Chỉ số quả tươi chế biến tăng 0,85%% nguyên nhân do một số loại cây ăn quả chủ lực như nhãn, chuối, ổi đã hết vụ thu hoạch, trong khi nguồn cung cam, quýt, bưởi đầu vụ còn hạn chế, làm giá bán lẻ các loại quả này tăng.

- Chỉ số giá nhóm thịt gia cầm tăng 0,34% so với tháng trước, nguyên nhân do giá thức ăn chăn nuôi duy trì ở mức cao, trong khi nguồn cung gà thịt giảm nhẹ do một số hộ chăn nuôi giảm đàn sau thời kỳ giá thấp kéo dài. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng thịt gia cầm tăng trở lại trong các dịp cuối năm làm chỉ số nhóm tăng trong tháng.

- Chỉ số nhóm thủy sản tươi sống tăng 0,34 % giá tôm, cá mực... tăng, do biến động nên lượng khai thác không nhiều.

- Chỉ số giá nhóm đồ gia vị tăng 0,08%; đồ gia vị các loại giảm 0,19%. Bên cạnh đó chỉ số giá sữa, bơ, phô mai tăng 0,11%; chỉ số bánh mứt kẹo tăng 0,16% so với tháng trước.

Ở chiều ngược lại:

- Chỉ số giá nhóm thịt gia súc giảm 0,29% trong đó nhóm thịt lợn có chỉ số giá giảm 0,36%; nhóm nội tạng động vật có chỉ số giảm 0,46%; nhóm thịt gia súc đông lạnh có chỉ số giảm 0,07%; nhóm thịt chế biến có chỉ số giảm 0,21% so với tháng trước. Nguyên nhân do nguồn cung thịt lợn trong nước dồi dào, giá lợn hơi tại nhiều địa phương ổn định hoặc giảm nhẹ, trong khi sức mua thịt và sản phẩm nội tạng duy trì ở mức trung bình. Các cơ sở kinh doanh điều chỉnh giảm giá bán để kích cầu, làm chỉ số giá nhóm này tiếp tục giảm trong tháng. Bên cạnh đó lượng tiêu thụ giảm, do vẫn còn dịch bệnh nên người dân vẫn còn lo ngại, lượng mua giảm.

- Chỉ số giá nhóm trứng các loại giảm 0,42% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung trứng gia cầm dồi dào, giá thức ăn chăn nuôi ổn định, trong khi nhu cầu tiêu dùng giảm sau thời điểm Tết Trung thu. Để đẩy mạnh tiêu thụ, các hộ chăn nuôi và cơ sở kinh doanh đã điều chỉnh giảm giá bán, giá trứng các loại tiếp tục giảm so với tháng 9.

c) Ăn uống ngoài gia đình (-1,31%)

Trong tháng 10/2025, chỉ số giá nhóm “ăn uống ngoài gia đình” giảm 1,31% so với tháng trước, nguyên nhân do chi phí nguyên liệu đầu vào (thịt, trứng) giảm nhẹ, đồ ăn nhanh mang đi giảm 2,41%.

2. Nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,01%)

Trong tháng 10/2025, chỉ số giá nhóm “đồ uống và thuốc lá” tăng 0,01%, do nhu cầu tiêu dùng bia, rượu tăng nhẹ trong các dịp liên hoan, hội họp cuối năm; đồng thời một số đại lý điều chỉnh giá bán để bù chi phí vận chuyển và bao bì tăng, khiến giá các mặt hàng đồ uống có cồn và thuốc lá nhích lên, làm chỉ số nhóm này tăng trong tháng.

3. Nhóm may mặc, giày dép, mũ nón (+0,12%)

Trong tháng 10, thời tiết chuyển sang thu – đông, nhu cầu mua sắm quần áo ấm, giày dép, mũ nón tăng, trong khi giá nguyên liệu dệt may và chi phí nhân công trong sản xuất vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, một số cửa hàng bán lẻ điều chỉnh tăng giá nhẹ các sản phẩm mới theo mùa, làm chỉ số nhóm này tăng trong tháng.

4. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+0,22%)

Chỉ số giá nhóm “Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng” tháng 10/2025 tăng 0,22% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá điện sinh hoạt và gas giảm, trong khi một số mặt hàng vật liệu xây dựng và chi phí thuê nhà vẫn giữ ở mức ổn định.

- Giá thuê nhà ở tăng 1,54% so với tháng trước, chi phí đầu vào cao, cung không đủ cầu, lạm phát, nhu cầu dân cư, kinh tế tăng mạnh.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,40% giá sắt thép, cát, đá... tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng giá, cùng với đó nhu cầu xây dựng dân dụng tăng

- Giá dầu hỏa tăng 0,56% điều chỉnh các ngày trong tháng.

- Giá điện sinh hoạt giảm 3,08% do thời tiết mát mẻ, nhu cầu sử dụng điện cho quạt, điều hòa và các thiết bị làm mát giảm mạnh. Ngoài ra, việc áp dụng biểu giá điện theo bậc thang mùa thấp điểm cũng góp phần làm chỉ số giá điện giảm trong tháng.

- Giá gas và các loại chất đốt khác giảm 1,35% so với tháng trước, do giá gas thế giới điều chỉnh giảm nhẹ cùng với chi phí vận chuyển trong nước ổn định, khiến các doanh nghiệp phân phối gas giảm giá bán lẻ.

- Giá nước sinh hoạt giữ ổn định, không biến động so với tháng trước.

5. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm “Thiết bị và đồ dùng gia đình” tháng 10/2025 tăng 0,05% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do một số mặt hàng điện gia dụng như bình nóng lạnh tăng, máy tính và phụ kiện máy tính tăng. Nhóm giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tăng nhẹ 0,18% do chi phí gỗ, vật liệu và vận chuyển tăng, cùng với nhu cầu mua sắm, sửa sang nhà cửa của các hộ gia đình vào thời điểm cuối năm. Ngược lại giá tủ lạnh giảm, quạt điện giảm...

6. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm “thuốc và dịch vụ y tế” trong tháng 10/2025 tăng 0,20%, so với tháng trước; trong đó tăng chủ yếu ở giá nhóm thuốc các loại (+0,68%): giá thuốc tim mạch (+0,58%), thuốc chống dị ứng (+0,58%),... do nhu cầu chữa bệnh và phòng bệnh thời điểm giao mùa tăng mạnh, trong khi chi phí nhập khẩu nguyên liệu, tỷ giá và chi phí sản xuất cũng tăng, khiến giá thuốc bán lẻ đẩy lên.

7. Nhóm giao thông (-1,38%)

Chỉ số giá nhóm “Giao thông” tháng 10/2025 giảm 1,38% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh giảm theo xu hướng giá thế giới, làm chi phí đi lại và vận tải hàng hóa giảm. Bên cạnh đó, nhu cầu đi lại của người dân giảm nhẹ sau thời điểm cao điểm du lịch hè, góp phần làm chỉ số giá nhóm giao thông tiếp tục giảm trong tháng.

Trong tháng 10/2025 giá xăng, dầu điều chỉnh 04 đợt (ngày 02/10, ngày 9/10; ngày 16/10; 23/10). Giá nhiên liệu giảm 2,75%, giá xăng dầu giảm 2,84%. Thay đổi giá theo điều chỉnh của Chính phủ để phù hợp với tình hình kinh tế và giá nhập khẩu xăng dầu. Theo đó giá dầu diesel được điều chỉnh giảm 1,36% so với kỳ trước.

8. Nhóm bưu chính viễn thông (+0,02%)

Nhóm bưu chính viễn thông tháng 10 năm 2025 tăng 0,02% giá máy điện thoại tăng 0,08%; giá bút viết các loại giảm nhẹ 0,01%.

9. Nhóm Giáo dục (- 0,001%).

Nhóm Giáo dục tháng 10 năm 2025 giảm 0,001% so với tháng trước.

Học phí trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục được thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, theo đó trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc đối tượng được miễn học phí.

Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá thực hiện theo Nghị quyết 767/2025/NQ-HĐND ngày 10/10/2025 quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2025-2026.

10. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+0,11%)

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10 năm 2025 tăng 0,11% chủ yếu do chỉ số giá nhóm hoa, cây cảnh tăng 1,67% do trong tháng có ngày lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10 nên nhu cầu mua và sử dụng hoa tươi những ngày này tăng mạnh.

11. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa khác tháng 10 năm 2025 giảm 0,02% trong đó tăng chủ yếu ở nhóm hàng chăm sóc cơ thể...các loại đồ trang sức đồng hồ đeo tay giảm. Các loại dịch vụ về hiếu, hỉ như thuê xe hoa, phí chụp ảnh ... phí thuê xe tang tăng lên do các loại chi phí tăng. Tuy nhiên, mức tăng không lớn, do thị trường ổn định, sức mua không biến động nhiều, khiến chỉ số giá chung của nhóm chỉ tăng nhẹ trong tháng.

12. Chỉ số giá vàng (+9,19%)

Trong tháng 10, giá vàng thế giới tiếp tục tăng mạnh khi nhà đầu tư tìm đến kim loại quý như kênh trú ẩn an toàn trước diễn biến phức tạp của kinh tế toàn cầu và xung đột địa chính trị. Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với thế giới, cao hơn mức kỷ lục của quý III, khiến chỉ số giá vàng trên địa bàn tỉnh tăng đáng kể trong tháng. Bình quân tháng 10 năm 2025 giá vàng xấp xỉ 13.912.000 VNĐ/chỉ.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,85%)

Nguyên nhân do đồng USD trên thị trường quốc tế giảm nhẹ sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) phát tín hiệu duy trì ổn định lãi suất,

hiện tỷ giá USD/VND trong nước hạ nhiệt. Ngoài ra, nguồn cung ngoại tệ trong nước dồi dào từ hoạt động xuất khẩu và kiều hối tăng cũng góp phần làm giá đô la Mỹ giảm trong tháng. Bình quân trong tháng 10, 1 USD xấp xỉ 26.413 VNĐ.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ THÁNG 10

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá: không.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá: không.

3. Công tác định giá của địa phương:

Căn cứ đề nghị của các sở chuyên ngành lĩnh vực, Sở Tài chính cử cán bộ tham gia Thành viên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hưng Yên theo ngành, lĩnh vực; thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Tình hình thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc Hội, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá: không.

IV. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ:

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về Giá.
- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt quy định về giá.
- Tích cực theo dõi diễn biến giá cả thị trường làm cơ sở để quản lý, điều hành giá trên địa bàn.

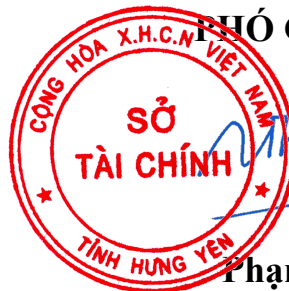
Trên đây là báo cáo tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường tháng 10 của Sở Tài chính Hưng Yên, kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP Tỉnh uỷ, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu VT, QLGC. 

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: SỞ TÀI CHÍNH
Cán bộ: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN
Thời gian ký: 04/11/2025 11:06:01

Phạm Thái Lan